

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Huệ

Ông Lê Hữu Tới

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1991, vắng mặt

Địa chỉ: Phố L, phường Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T - sinh năm: 1987, vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Phố L, phường Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Tân, nay là phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng thực tế

vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ anh T tại Phố L, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 7/2020, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi anh T đi đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T không quan tâm đến chị, đồng thời cắt đứt toàn bộ liên lạc với chị. Đến cuối năm 2021, chị về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn Cần Thanh, xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

Chị và anh T không liên lạc với nhau nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan để cung cấp cho Tòa án.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tiến Lương, sinh ngày 27/9/2017. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Bá T tại Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Thiện, địa chỉ ở Phố L, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ anh T.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Thiện trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Bá T. Chị Nguyễn Thị H là vợ anh T và là con dâu ông bà. Năm 2018, anh T và chị H kết hôn và chung sống cùng vợ chồng ông bà. Tháng 7 năm 2020, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Cuối năm 2021, chị H xin ra ở riêng và ra ở riêng từ đó cho đến nay, còn ở đâu ông bà không biết. Ông, bà chỉ biết anh T hiện đang lao động tại Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan ông, bà không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng ông, bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của ông, bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị H có 01 con

chung là Nguyễn Tiến Lương, sinh ngày 27/9/2017, hiện nay cháu Lương đang ở với ông bà; ông, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương. Theo ông bà anh T và chị H không có tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh T; giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Bá T đăng ký hộ khẩu tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang lao động tại Đài Loan. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Hùng và bà Thiện là bố mẹ đẻ của anh T trình bày không biết địa chỉ của anh T ở Đài Loan. Tuy anh T thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Ông Hùng và bà Thiện vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Bá T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị H đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh các bất đồng trong cuộc sống. Năm 2020 anh T đi lao động tại Đài Loan. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không liên hệ với nhau, chị không có địa chỉ của anh T tại Đài Loan nên không cung cấp địa chỉ của anh T tại Đài Loan cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tiến Lương, sinh ngày 27/9/2017. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương. Xét thấy nguyện vọng của chị H xin được trực tiếp nuôi con là chính đáng vì cháu Lương đang còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, hiện nay anh T đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con được. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cần giao cháu Lương cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Lương, sinh ngày 27/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 1152 ngày 18/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Tân, TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Huệ Lê Hữu Tới

Lê Thị Thủy